

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 14-12-2021

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Văn Long
2. Ông Lý Đình Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 14 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2021 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/11/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 109/2021/QĐ-ST ngày 25/11/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm: 1991 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn S, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm: 1986 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn S, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang lao động tại nước ngoài không có địa chỉ).

Địa chỉ cuối cùng của anh Nguyễn Văn S tại Việt Nam: Thôn S, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 04/10/2021 Nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn S được tự do tìm hiểu trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 13/7/2010 tại UBND xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên đánh cãi nhau. Đến năm 2016 thì anh S đi nước ngoài từ đó đến nay chưa về nước. Từ khi anh S đi nước ngoài thì anh S không liên lạc gì về cho chị, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 10/10/2011 và cháu Nguyễn Văn Tiến Đ, sinh ngày 25/7/2013. Hiện nay các cháu đang ở cùng chị, ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng 2 con chung và không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị giải quyết.

Ngoài ra chị H còn trình bày: Hiện nay anh S vẫn đang lao động ở nước ngoài, địa chỉ cụ thể của anh S ở nước ngoài chị không cung cấp được cho Tòa án được vì đã lâu chị không liên lạc được với anh S, anh S vẫn liên lạc về cho bố đẻ của anh S là ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964; trú tại: Thôn S, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang nhưng ông T cũng không cung cấp địa chỉ cho chị biết nên chị không biết để cung cấp cho Tòa án.

Do tính chất công việc nên chị không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị và anh S được, nên chị đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh Nguyễn Văn S.

Bị đơn anh Nguyễn Văn S không có bản tự khai.

Ngày 07/10/2021 và ngày 22/10/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với bố đẻ của anh Nguyễn Văn S là ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964; trú tại: Thôn S, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu ông T thông báo cho anh S biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn S; yêu cầu anh S viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu ông T cung cấp địa chỉ cụ thể của anh S ở nước ngoài. Tuy nhiên, qua hai lần làm việc ông T vẫn giữ nguyên quan điểm là anh S ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình nhưng ông không cung cấp địa chỉ cụ thể của anh S ở nước ngoài cho Tòa án, vì đây là việc cá nhân anh S, đồng thời ông cũng không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh S biết để anh S gửi lời khai về. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của anh S gửi về.

Cháu Nguyễn Ngọc L và cháu Nguyễn Văn Tiến Đ trình bày: Các cháu là con

của bố Nguyễn Văn S và mẹ Trần Thị H, hiện nay các cháu đang ở cùng với mẹ cháu là Trần Thị H. Nếu bố mẹ các cháu ly hôn thì các cháu xin được ở với mẹ cháu là Trần Thị H.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị H vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Văn S vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của chị H; Biên bản làm việc với bố đẻ của anh S là ông Nguyễn Văn T và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn chị Trần Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh S không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh S. Căn cứ vào công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao xử vắng mặt anh Nguyễn Văn S là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 51, 53, 56, Điều 81, 82, 83, khoản 2 điều 123, điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 3 điều 35; điểm c khoản 1 điều 37; khoản 4 điều 147; điều 227, 228, 238, điều 271, điều 273, khoản 2 điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 10/10/2011 và cháu Nguyễn Văn Tiến Đ, sinh ngày 25/7/2013 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra do chị H không yêu cầu. Anh Nguyễn Văn S có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh S thực hiện quyền này.

Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Trần Thị H là nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Văn S, anh S hiện đang lao động

tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Theo Công văn số 21927/QLXNC-P5 ngày 28/9/2021 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp, anh S xuất cảnh ngày 02/7/2018 hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, địa chỉ cuối cùng của anh S ở Việt Nam là: Thôn S, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, nuôi con chung có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về việc vắng mặt của đương sự: Chị Trần Thị H là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Trần Thị H.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn S vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với bố đẻ của anh S là ông Nguyễn Văn T để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu ông T thông báo cho anh S biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn S; Yêu cầu anh S viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu ông T cung cấp địa chỉ cụ thể của anh S ở nước ngoài. Ông Nguyễn Văn T trình bày: Anh S ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho ông. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà ông T vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh S cho Tòa án, cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh S biết. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Nên căn cứ Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn S theo quy định pháp luật.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn S kết hôn ngày 13/7/2010 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị H trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên đánh cãi nhau. Đến năm 2018 thì anh S đi nước ngoài từ đó đến nay chưa về nước. Từ khi anh S đi nước ngoài thì anh S không liên lạc gì về cho chị, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị H. Hội đồng xét xử thấy: Quá trình chung sống vợ chồng chị H và anh S thường xảy ra mâu thuẫn. Đến năm 2018 anh S đi lao động tại nước ngoài từ đó đến nay chưa về nước, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân

và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng cả chị H và anh S đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh S đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

[4]. Về nuôi con chung: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn S có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 10/10/2011 và cháu Nguyễn Văn Tiến Đ, sinh ngày 25/7/2013. Hiện nay các cháu đang ở với chị H. Ly hôn chị H đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị H: Hội đồng xét xử thấy hiện nay anh S đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh Nguyễn Văn S từ khi đi nước ngoài thì các cháu vẫn do chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, các cháu phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, được đi học đầy đủ. Ngoài ra cháu L và cháu Đ trên 7 tuổi đều trình bày có nguyện vọng được ở cùng mẹ khi bố mẹ cháu ly hôn. Nên căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị H về nuôi con chung. Giao cho chị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 10/10/2011 và cháu Nguyễn Văn Tiến Đ, sinh ngày 25/7/2013 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quyền và lợi ích về mọi mặt của con chung. Sau khi ly hôn anh Nguyễn Văn S có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở nay anh S thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp anh Nguyễn Văn S về Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[5]. Về tài sản, công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Trần Thị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 10/10/2011 và Nguyễn Văn Tiến Đ, sinh ngày 25/7/2013 đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Văn S có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở nay anh S thực hiện quyền này.

3. Về án phí:Chị Trần Thị H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000107 ngày 04/10/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Trần Thị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Trần Thị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Nguyễn Văn S hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã B, huyện L;
- Công TTĐT Tòa án nhân dân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tổ HCTP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Bảo Đài, Lục Nam;
- Công TTĐT Tòa án nhân dân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thu Hiền

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

**Lê Thị Minh Khánh Nguyễn Hoàng
Tâm**

Hoàng Thị Thu Hiền

